

## XÁC ĐỊNH CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN SỰ HÀI LÒNG CỦA NÔNG DÂN QUA KHÓA HỌC TẬP HUẤN FFS VỀ TĂNG CƯỜNG KỸ NĂNG CHỌN GIỐNG VÀ SẢN XUẤT LÚA GIỐNG CỘNG ĐỒNG TỈNH HẬU GIANG NĂM 2012

Phạm Ngọc Nhân<sup>1</sup>, Huỳnh Quang Tín<sup>2</sup> và Đỗ Ngọc Diễm Phương<sup>1</sup>

<sup>1</sup> Khoa Phát triển Nông thôn, Trường Đại học Cần Thơ

<sup>2</sup> Viện Nghiên cứu Phát triển Đồng bằng Sông Cửu Long, Trường Đại học Cần Thơ

### Thông tin chung:

Ngày nhận: 26/05/2014

Ngày chấp nhận: 31/10/2014

### Title:

Determining the factors influencing the farmers' satisfaction via the FFS training course about strengthening farmer capacity on rice breeding and seed production in Hau Giang Province in 2012

### Từ khóa:

Hài lòng, tập huấn, lớp học trên đồng ruộng

### Keywords:

Satisfaction, training, farmer's field school

### ABSTRACT

The aim of strengthening farmer capacity on rice breeding and seed production through "The farmer's field school" (FFS) in Hau Giang province in 2012 (belonging to FARES project of Can Tho University and Hau Giang Department of Science and Technology) was that providing farmers with the real knowledge and skills in using updated modern technology for improving the qualities of seeds and rice's value in the local area. The research focused on the farmers who participated in the FFS training course to find out the factors which influenced on their satisfaction. The study's result indicated that there were the five main factors influencing the satisfaction of farmers, namely the reliability of the training class (Beta = 0.848), the facilities and learning conditions (Beta = 0.190), the abilities to meet the requirements of the class (Beta = 0.090), the assurance of the class (Beta = 0.062) and the sympathy of teachers (Beta = 0.029). The study also suggested some solutions to improve the satisfaction of farmers who would join the training course in the future.

### TÓM TẮT

Tăng cường kỹ năng chọn giống và sản xuất lúa giống cộng đồng qua khóa huấn luyện "Lớp học trên ruộng nông dân (FFS)" tỉnh Hậu Giang năm 2012 trong khuôn khổ hợp tác giữa Dự án FARES Trường Đại học Cần Thơ và Sở Khoa học Công nghệ tỉnh Hậu Giang nhằm cung cấp cho nông dân những kiến thức thực tế và kỹ năng ứng dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật để cải thiện chất lượng hạt giống lúa cho nông hộ và góp phần nâng cao giá trị lúa gạo hàng hóa tại địa phương. Nghiên cứu này đã tập trung vào các hộ nông dân đã tham gia khóa tập huấn FFS để tìm hiểu các yếu tố tác động đến sự hài lòng của nông dân thông qua quá trình huấn luyện FFS. Kết quả nghiên cứu cho thấy, sự hài lòng của nông dân chịu ảnh hưởng nhiều nhất bởi yếu tố Độ tin cậy của lớp tập huấn (Beta = 0,848), thứ hai là yếu tố Cơ sở vật chất và điều kiện học tập (Beta = 0,190), kế tiếp là yếu tố Khả năng đáp ứng yêu cầu của lớp học (Beta = 0,09), tiếp theo là yếu tố Sự đảm bảo của lớp học (Beta = 0,062) và cuối cùng là Sự cảm thông của giảng viên (Beta = 0,029). Nghiên cứu cũng gợi mở một số giải pháp nhằm cải thiện phương pháp huấn luyện và nâng cao sự tiếp thu cho nông dân tham gia lớp học FFS trong thời gian tới.

## 1 ĐẶT VẤN ĐỀ

Việt Nam là một nước có truyền thống sản xuất nông nghiệp lâu đời, với tỷ lệ dân số sống ở nông thôn cao và trồng lúa đang giữ một vị trí quan trọng trong phát triển kinh tế, xã hội của đất nước. Tuy nhiên, việc ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp chưa đều giữa các tỉnh và từng vùng trong tỉnh Hậu Giang vì thế năng suất và sản lượng cây trồng vẫn còn thấp. Các nghiên cứu cho thấy rằng giải pháp chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật cho nông dân trong sản xuất nông nghiệp thông qua lớp học hiện trường (FFS) là hiệu quả nhất để đào tạo, tập huấn kỹ năng, hướng dẫn kỹ thuật tiến bộ và áp dụng những kiến thức đã học vào trên chính mảnh đất của họ (Huỳnh Quang Tín và *ctv*, 2009). Ngày nay, lớp học FFS có vai trò quan trọng trong công tác phát triển hệ thống khuyến nông, góp phần tạo ra nguồn lực nông dân tri thức và năng động trong mô hình “phát triển kỹ thuật có sự tham gia” và ứng dụng vào sản xuất.

Dự án “Tăng cường hợp tác nông dân trong nghiên cứu nông nghiệp và khuyến nông (FARES) - Việt Nam giai đoạn 2011 – 2013” nhằm giúp nông dân nâng cao kiến thức, năng lực về chọn giống, cải thiện chất lượng hạt giống nông hộ và bảo tồn đa dạng sinh học được Viện Nghiên cứu Phát triển Đồng bằng Sông Cửu Long (MDI) – Trường Đại học Cần Thơ xây dựng từ năm 2011, tỉnh Hậu Giang là một trong những tỉnh tham gia dự án. Hoạt động chính của Dự án FARES là nâng cao năng lực cộng đồng thông qua khóa huấn luyện theo phương pháp “lớp học trên đồng ruộng (FFS)” và các nghiên cứu đồng ruộng về chọn giống cho nông dân thực hiện tại công đồng. Vì thế, nghiên cứu được thực hiện nhằm xác định các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của nông dân tham gia khóa tập huấn, từ đó tìm ra các giải pháp cải tiến phương pháp huấn luyện và nâng cao sự tiếp thu của nông dân trong tiến trình tham gia khóa tập huấn FFS.

## 2 PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### 2.1 Phương pháp thu thập số liệu

Số liệu thứ cấp được thu thập từ Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Hậu Giang, Trung tâm Khuyến nông tỉnh Hậu Giang, Chi cục Bảo vệ thực vật tỉnh Hậu Giang.

Số liệu thứ cấp của mục tiêu đánh giá sự hài lòng của nông dân qua lớp tập huấn FFS được thu thập bằng phương pháp chọn mẫu phân tầng kết hợp với ngẫu nhiên để đảm bảo tính chính xác,

khoa học của số liệu được thu thập trên 5 địa bàn có tổ chức lớp học theo kế hoạch của dự án FARES, trong đó bao gồm huyện Châu Thành A (số học viên là 23), huyện Long Mỹ (số học viên là 29), huyện Phụng Hiệp (số học viên là 23), thành phố Vị Thanh (số học viên là 25), Vị Thủy (số học viên là 25) với tổng số mẫu điều tra là 125 mẫu. Tất cả nông dân được chọn phỏng vấn (125 nông dân) đều tham gia đầy đủ khóa học tập huấn FFS chọn tạo giống và sản xuất lúa giống cộng đồng năm 2012. Trong bảng câu hỏi chính thức, thang đo Sự hài lòng có 3 mục hỏi, thang đo chất lượng dịch vụ có 22 mục hỏi, cho điểm theo thang điểm Likert từ 1 đến 5. Theo Hoàng Trọng và Chu Nguyễn Mộng ngọc (2005), số quan sát ít nhất phải bằng 4 hay 5 lần số biến trong phân tích nhân tố. Thang đo chất lượng tập huấn có 22 mục hỏi được đưa vào phân tích nhân tố nên yêu cầu cỡ mẫu nhỏ nhất là 110. Vậy cỡ mẫu 125 là đạt yêu cầu nghiên cứu.

Trước khi đưa mẫu điều tra vào phỏng vấn trực tiếp nông dân, tác giả tiến hành phỏng vấn thử để kiểm tra tính phù hợp của phiếu phỏng vấn, đồng thời hiệu chỉnh phiếu cho phù hợp với tình hình thực tế trên địa bàn nghiên cứu.

### 2.2 Phương pháp phân tích số liệu

Các dữ liệu được xử lý bằng phần mềm Excel, SPSS 16.0 và tổng hợp phân tích dựa trên các phương pháp thống kê mô tả, thống kê phân tích. Thang đo Likert được thiết kế với 5 mức điểm để đo lường mức độ hài lòng của nông dân được kiểm định độ tin cậy bằng hệ số Cronbach Alpha. Các thang đo được đánh giá thông qua công cụ chính là hệ số Cronbach Alpha. Hệ số Cronbach Alpha được sử dụng để loại bỏ biến rác, các biến có hệ số tương quan tổng nhỏ hơn 0,3 sẽ bị loại. Theo Nunnally và Brunstein (1994), tiêu chuẩn để lựa chọn thang đo khi có độ tin cậy Cronbach Alpha >0,6 là có thể sử dụng được trong trường hợp khái niệm thang đo lường là mới hoặc mới đối với người trả lời trong bối cảnh nghiên cứu. Trong phạm vi nghiên cứu này, đối tượng trả lời phỏng vấn là nông dân, đây là lần đầu họ tiếp cận với phiếu điều tra theo dạng sử dụng thang đo Likert được thiết kế với 5 mức độ đánh giá khác nhau.

Phương pháp phân tích nhân tố (Factor Analysis) được sử dụng để xác định các nhân tố tác động đến sự hài lòng của nông dân tham gia khóa học tập huấn FFS chọn tạo giống và sản xuất lúa giống cộng đồng.

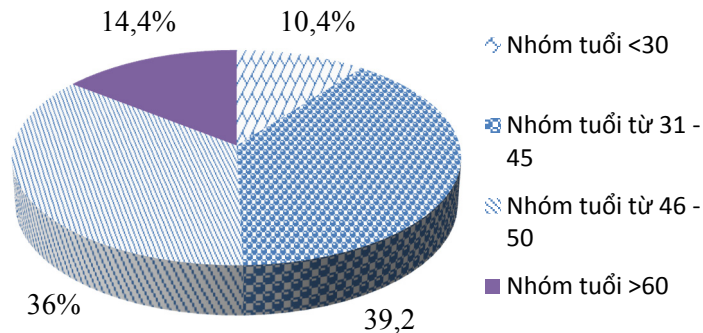
## 4 KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

### 4.1 Đặc điểm mẫu điều tra về sự hài lòng

#### 4.1.1 Độ tuổi:

Trong phạm vi nghiên cứu này, độ tuổi nông dân tham gia khóa học được chia ra thành 4 nhóm tuổi khác nhau: nhóm 1 gồm những nông dân có độ tuổi nhỏ hơn 30 chiếm tỷ lệ 10,4%, nhóm 2 gồm

những nông dân có độ tuổi từ 31 đến 45 tuổi chiếm tỷ lệ 39,2, đây là nhóm tuổi nông dân tham gia lớp tập huấn có tỷ lệ cao nhất, kế tiếp là nhóm tuổi thứ 3 bao gồm những học viên có độ tuổi từ 46 đến 60 chiếm tỷ lệ 36% và nhóm tuổi thứ 4 bao gồm những học viên có tuổi lớn hơn 60 tuổi chiếm tỷ lệ 14,4% (Hình 1).



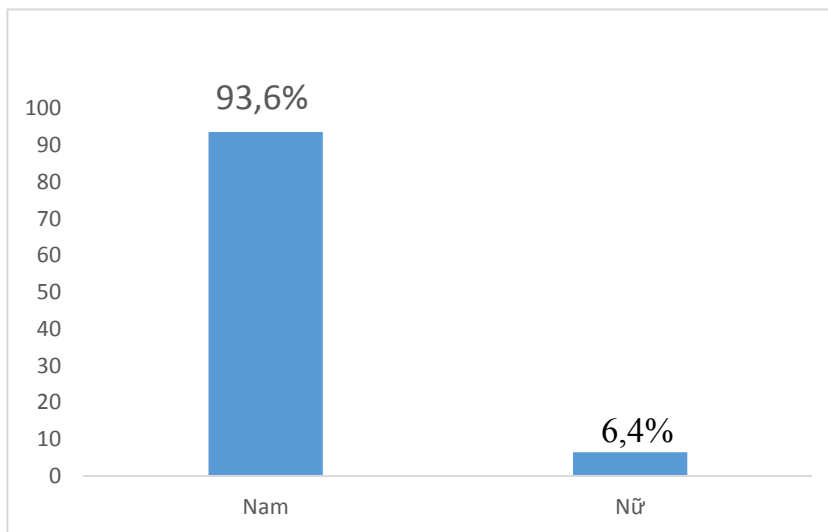
**Hình 1: Tỷ lệ độ tuổi nông dân tham gia khóa tập huấn FFS**

Nguồn: Kết quả điều tra thực tế 125 nông dân tham gia khóa học FFS tại tỉnh Hậu Giang, 2012

#### 4.1.2 Giới tính

Kết quả trên Hình 2 cho thấy, tỷ lệ nam tham gia khóa học chiếm 93,6% (117 người). Do tập quán sản xuất nông nghiệp truyền thống và ở hộ

gia đình nông thôn, chủ hộ là nam giới. Tuy nhiên, qua quá trình thu thập số liệu điều tra cho thấy học viên nữ cũng rất năng động trong việc học tập và tiếp thu tiến bộ khoa học kỹ thuật mới trong sản xuất và canh tác.



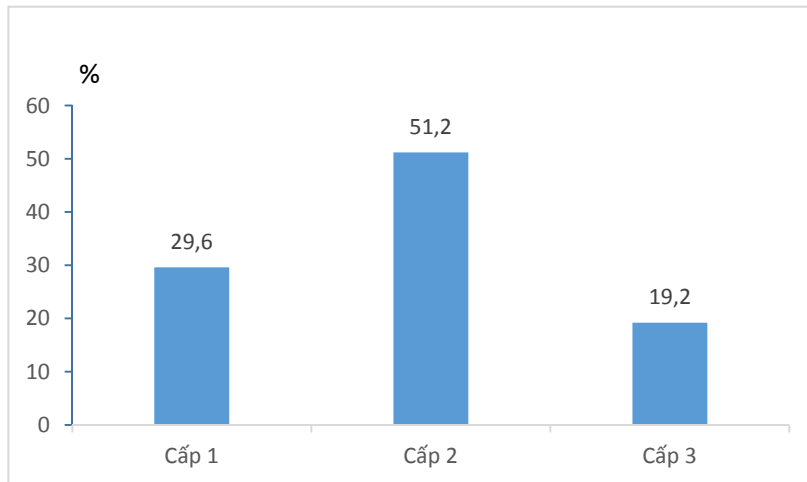
**Hình 2: Thống kê giới tính nông dân tham gia khóa tập huấn FFS**

Nguồn: Kết quả điều tra thực tế 125 nông dân tham gia khóa học FFS tại tỉnh Hậu Giang, 2012

### 4.1.3 Trình độ học vấn

Kết quả phân tích trên Hình 3 cho thấy, tất cả nông dân tham gia khóa tập huấn điều biết chữ. Số nông dân có trình độ cấp 1 (từ lớp 1 đến lớp 5) là 37 người (chiếm tỷ lệ 29,6%). Số nông dân ở trình độ cấp 2 (từ lớp 6 đến lớp 9) có 64 người (chiếm tỷ lệ 51,2%), đây là nhóm nông dân có trình độ học

vấn chiếm tỷ lệ cao nhất và tỷ lệ thấp nhất là nhóm nông dân có trình độ cấp 3 (từ lớp 10 đến lớp 12) chiếm tỷ lệ 19,2% (24 người). Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy, họ có được những kiến thức cơ bản cũng như quá trình sản xuất thực tế trên đồng ruộng vì vậy họ dễ dàng tiếp thu các kiến thức cũng như những kỹ thuật tiên bộ được huấn luyện trong suốt khóa học.



**Hình 3: Thống kê trình độ văn hóa của nông dân tham gia khóa tập huấn**

Nguồn: Kết quả điều tra thực tế 125 nông dân tham gia khóa học FFS tại tỉnh Hậu Giang, 2012

### 4.2 Đánh giá thang đo

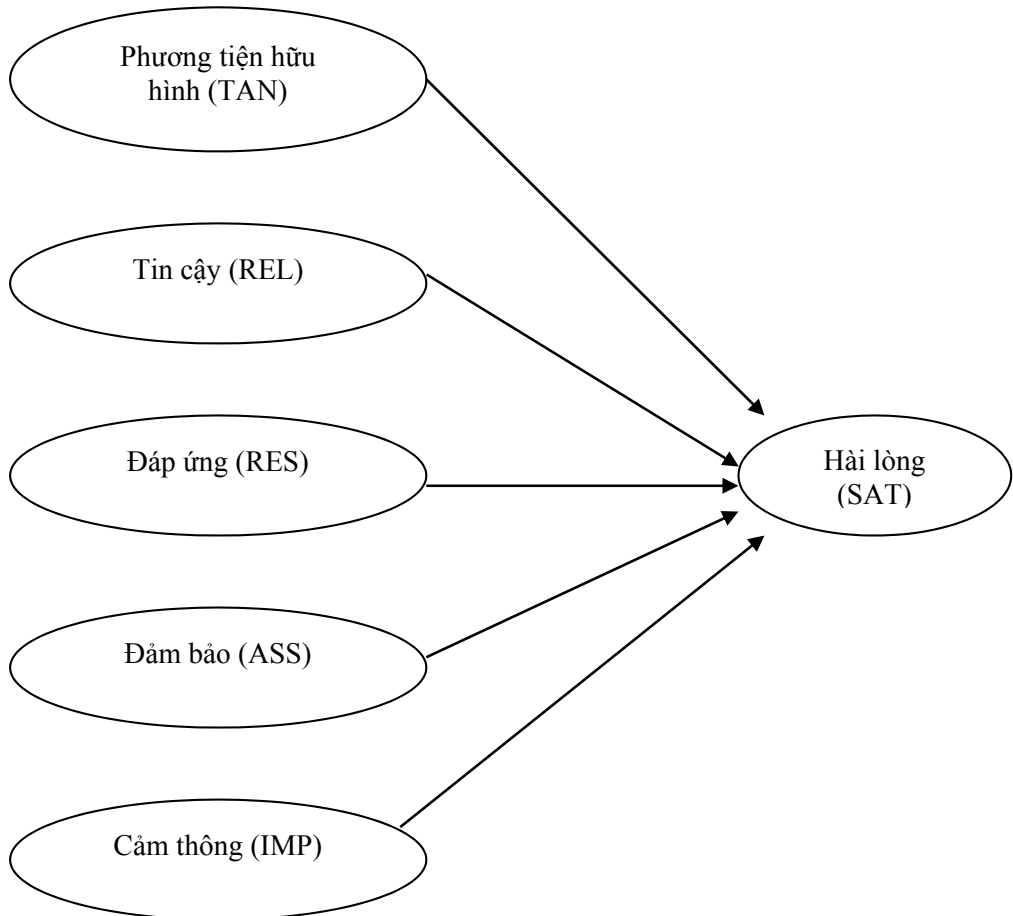
Parasuraman, Zeithaml và Berry (gọi tắt là PZB) vào năm 1988 đã đưa ra thang đo chất lượng dịch vụ SERVQUAL đo lường chất lượng dịch vụ bằng cách tính toán khác biệt giữa mong đợi và cảm nhận của khách hàng. SERVQUAL bao gồm 3 phần. Hai phần đầu tiên gồm 2 bộ với 22 mục hỏi thể hiện 5 thành phần hình thành chất lượng: bộ câu hỏi thứ nhất dùng để xác định mong đợi của khách hàng đối với dịch vụ, bộ câu hỏi thứ hai dùng để xác định cảm nhận của khách hàng đối với dịch vụ được nhà cung ứng thực hiện. Khách hàng được yêu cầu cho điểm mong đợi và cảm nhận của họ theo thang điểm Likert từ 1 (hoàn toàn không đồng ý) đến 7 (hoàn toàn đồng ý), thang đo SERVQUAL chứng tỏ rất hữu ích cho việc đánh giá chất lượng dịch vụ. Từ việc đánh giá SERVQUAL, Cronin và Taylor đưa ra thang đo SERVPERF vào năm 1992. SERVPERF xác định chất lượng dịch vụ bằng cách chỉ đo lường chất lượng dịch vụ cảm nhận (thay vì cả mong đợi và cảm nhận như SERVQUAL), SERVPERF không có trọng số đo lường cảm nhận dịch vụ được thực hiện tốt hơn các thang đo khác về chất lượng dịch

vụ. Do xuất xứ từ thang đo SERVQUAL, các thành phần và biến quan sát của thang đo SERVPERF cũng giống như SERVQUAL. Mô hình SERVPERF được gọi là mô hình cảm nhận (perception model). Cả hai mô hình phi khẳng định và mô hình cảm nhận đều được những nghiên cứu sau đó ủng hộ và phát triển thêm cho phù hợp với các loại hình dịch vụ. Tuy nhiên, mô hình SERVPERF đơn giản và dễ thực hiện hơn.

Thang đo các thành phần đảm bảo chất lượng của khóa huấn luyện hay còn gọi là chất lượng dịch vụ được thiết kế trên cơ sở áp dụng thang đo SERVPERE, đây là thang đo đa hướng với 5 thành phần có tổng cộng 22 biến. Do đó, để kiểm định thang đo này sẽ được tiến hành bằng cách đánh giá độ tin cậy dựa trên phân tích hệ số Cronbach Alpha. Các yếu tố tác động đến Sự hài lòng của nông dân đối với chất lượng lớp tập huấn chọn giống và sản xuất lúa giống cộng đồng gồm có 5 thành phần: (i) Cơ sở vật chất và điều kiện học tập, được đo lường bằng 4 biến quan sát, ký hiệu từ Q1 đến Q4; (ii) Độ tin cậy của lớp tập huấn, được đo lường bằng 4 biến quan sát, ký hiệu từ Q5 đến Q8; (iii) Khả năng đáp ứng yêu cầu của lớp học, được

đo lường bằng 4 biến quan sát, ký hiệu từ Q9 đến Q12; (4) Sự đảm bảo của lớp học, được đo lường bằng 6 biến quan sát, ký hiệu từ Q13 đến Q18; (5) Sự cảm thông của giảng viên, được đo lường bằng 4 biến quan sát, ký hiệu từ Q19 đến Q22.

Để thực hiện mục tiêu đề ra, đề tài nghiên cứu sử dụng thang đo SERVPERF và xây dựng mô hình nghiên cứu quan hệ chất lượng dịch vụ dẫn tới sự hài lòng của nông dân như dưới đây:



**Hình 4: Mô hình nghiên cứu Hài lòng**

Các thành phần chất lượng dịch vụ: phương tiện hữu hình (TAN), Tin cậy (REL), Đáp ứng (RES), Đảm bảo (ASS), Cảm thông (EMP) là tiền tố của sự hài lòng.

Do Thang đo chất lượng dịch vụ SERVPERF là thang đo đa hướng, nó sẽ được đưa vào phân tích nhân tố để xác định lại các thành phần trước khi tiến hành phân tích hồi qui quan hệ của chúng với sự hài lòng.

#### 4.2.1 Hệ số tin cậy Cronbach Alpha

Thang đo các thành phần Cơ sở vật chất và điều kiện học tập

Kết quả đánh giá thang đo các yếu tố cơ sở vật chất được thể hiện qua Bảng 1. Giá trị báo cáo hệ số tin cậy của thành phần Cơ sở vật chất và điều kiện học tập là 0,666. Các hệ số tương quan biến tổng của các biến đo lường thành phần đều đạt giá trị (lớn hơn 0,3). Giá trị báo cáo nhỏ nhất là 0,310 (Biến Q3) và giá trị báo cáo cao nhất là 0,606 (Biến Q1).

**Bảng 1: Hệ số Cronbach Alpha của thang đo Cơ sở vật chất và điều kiện học tập**

	Trung bình thang đo nếu bỏ biến	Phương sai thang đo nếu bỏ biến	Hệ số tương quan biến tổng	Hệ số Alpha nếu bỏ biến
Q1	14,33	0,867	0,606	0,509
Q2	14,38	0,898	0,454	0,595
Q3	14,42	0,890	0,310	0,707
Q4	14,41	0,856	0,469	0,583

Hệ số Cronbach's = 0,666

Nguồn: Kết quả điều tra thực tế 125 nông dân tham gia khóa học FFS tại tỉnh Hậu Giang, 2012

Thang đo các thành phần *Độ tin cậy của lớp tập huấn*

Kết quả phân tích hệ số Cronbach Alpha về độ tin cậy của lớp tập huấn thể hiện trên Bảng 2 cho thấy, các hệ số tương quan biến tổng của các biến

đo lường thành phần đều đạt giá trị lớn hơn 0,3, trong đó báo cáo cho giá trị cao nhất là 0,490 (Biến Q16) và biến cho báo cáo có giá trị thấp nhất là 0,317 (Q7). Thành phần độ tin cậy của lớp tập huấn có hệ số Cronbach Alpha là 0,630.

**Bảng 2: Hệ số Cronbach Alpha của thang đo Độ tin cậy**

	Trung bình thang đo nếu bỏ biến	Phương sai thang đo nếu bỏ biến	Hệ số tương quan biến tổng	Hệ số Alpha nếu bỏ biến
Q5	14,29	1,013	0,557	0,501
Q6	14,39	0,789	0,516	0,474
Q7	14,40	0,887	0,371	0,595
Q8	14,45	1,023	0,272	0,657

Hệ số Cronbach's Alpha = 0,630

Nguồn: Kết quả điều tra thực tế 125 nông dân tham gia khóa học FFS tại tỉnh Hậu Giang, 2012

Thang đo các thành phần *Khả năng đáp ứng yêu cầu của lớp học*

Qua phân tích hệ số Cronbach Alpha cho thấy, giá trị báo cáo hệ số tương quan biến tổng của các

biến đo lường thành phần đều có giá trị lớn hơn 0,3. Biến Q12 có giá trị báo cáo lớn nhất (0,580) và biến Q11 có giá trị báo cáo nhỏ nhất (0,986). Giá trị hệ số Cronbach Alpha báo cáo bằng 0,662 (Bảng 3).

**Bảng 3: Hệ số Cronbach Alpha của thang đo khả năng đáp ứng yêu cầu của lớp học**

	Trung bình thang đo nếu bỏ biến	Phương sai thang đo nếu bỏ biến	Hệ số tương quan biến tổng	Hệ số Alpha nếu bỏ biến
Q9	14,05	1,358	0,513	0,578
Q10	14,40	0,930	0,410	0,674
Q11	14,15	1,263	0,398	0,623
Q12	14,11	1,226	0,580	0,525

Hệ số Cronbach's Alpha = 0,662

Nguồn: Kết quả điều tra thực tế 125 nông dân tham gia khóa học FFS tại tỉnh Hậu Giang, 2012

Thang đo các thành phần *Sự đảm bảo của lớp tập huấn*

Các hệ số tương quan biến tổng của các biến đo lường thành phần Sự đảm bảo của lớp tập huấn đều có giá trị lớn 0,3. Giá trị báo cáo nhỏ nhất xuất hiện ở biến Q16 với giá trị bằng 0,393 và giá trị cao

nhất xuất hiện ở biến Q18 (0,607). Thành phần về sự đảm bảo của lớp tập huấn có hệ số Cronbach Alpha được báo cáo bằng 0,716 và đây cũng là thành phần có hệ số Cronbach Alpha cao nhất trong các thành phần đo lường chất lượng lớp tập huấn (Bảng 4).

**Bảng 4: Hệ số Cronbach Alpha của thang đo Sự đảm bảo của lớp tập huấn**

	Trung bình thang đo nếu bỏ biến	Phương sai thang đo nếu bỏ biến	Hệ số tương quan biến tổng	Hệ số Alpha nếu bỏ biến
Q13	23,82	2,230	0,435	0,700
Q14	23,54	2,463	0,553	0,645
Q15	23,47	2,743	0,579	0,655
Q16	23,68	2,841	0,393	0,722
Q17	23,58	2,754	0,365	0,702
Q18	23,53	2,595	0,607	0,640

Hệ số Cronbach's Alpha = 0,716

Nguồn: Kết quả điều tra thực tế 125 nông dân tham gia khóa học FFS tại tỉnh Hậu Giang, 2012

Thang đo các thành phần Sự cảm thông của giảng viên

Kết quả nghiên cứu trên Bảng 5 cho thấy, giá trị hệ số Cronbach Alpha đạt 0,603. Giá trị báo cáo

các hệ số tương quan biến tổng của các biến đo lường thành phần đều có giá trị lớn hơn 0,3. Giá trị báo cáo nhỏ nhất là 0,336 (Biến Q20) và giá trị báo cáo lớn nhất là 0,382 (biến Q19).

**Bảng 5: Hệ số Cronbach Alpha của thang đo Sự cảm thông của giảng viên**

	Trung bình thang đo nếu bỏ biến	Phương sai thang đo nếu bỏ biến	Hệ số tương quan biến tổng	Hệ số Alpha nếu bỏ biến
Q19	14,26	1,115	0,382	0,362
Q20	14,16	1,184	0,336	0,405
Q21	14,25	1,043	0,364	0,367
Q22	14,18	1,135	0,353	0,489

Hệ số Cronbach's Alpha = 0,603

Nguồn: Kết quả điều tra thực tế 125 nông dân tham gia khóa học FFS tại tỉnh Hậu Giang, 2012

Thang đo các thành phần Sự hài lòng của nông dân

Thang đo Sự hài lòng của nông dân tham gia lớp tập huấn được đo lường bằng 3 biến quan sát, qua kết quả phân tích hệ số Cronbach Alpha cho thấy hệ số Cronbach Alpha đạt giá trị bằng 0,657.

Giá trị hệ số tương quan biến tổng của các biến đo lường thành phần Sự hài lòng đều có giá trị lớn hơn 0,3. Giá trị báo cáo nhỏ nhất là 0,447 (Biến Q25) và giá trị báo cáo lớn nhất là 0,518 (Biến Q24) (Bảng 6).

**Bảng 6: Hệ số Cronbach Alpha của thang đo Sự hài lòng**

	Trung bình thang đo nếu bỏ biến	Phương sai thang đo nếu bỏ biến	Hệ số tương quan biến tổng	Hệ số Alpha nếu bỏ biến
Q23	9,56	0,668	0,494	0,577
Q24	9,66	0,451	0,518	0,491
Q25	9,67	0,480	0,447	0,603

Hệ số Cronbach's Alpha = 0,657

Nguồn: Kết quả điều tra thực tế 125 nông dân tham gia khóa học FFS tại tỉnh Hậu Giang, 2012

Qua kết quả phân tích hệ số Cronbach Alpha của 5 thành phần thang đo chất lượng của lớp tập huấn đều có độ tin cậy lớn hơn 0,6. Như vậy, thang đo được thiết kế trong phạm vi nghiên cứu này là có ý nghĩa trong thống kê và đạt hệ số tin cậy cần

thiết và tiếp tục được đưa vào phân tích nhân tố khám phá EFA.

#### 4.2.2 Phân tích nhân tố khám phá EFA

Phương pháp phân tích nhân tố khám phá EFA được sử dụng để kiểm định thang đo, 25 biến quan

sát được thiết kế trong nghiên cứu và sau khi kiểm tra mức độ tin cậy bằng hệ số Cronbach Alpha thì không có biến nào bị loại. Nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích nhân tố khám phá EFA để khẳng định mức độ phù hợp của thang đo với 25 biến quan sát.

Chỉ số KMO (Kaiser-Meyer-Olkin Measure of Simplicity Adequacy) được dùng để phân tích sự thích hợp của các nhân tố, giá trị KMO lớn hơn 0,5 thì các nhân tố mới được sử dụng. Theo Hair và ctv (1998), hệ số tải nhân tố (các con số trong bảng Rotated Component Matrix – Factor loading) lớn hơn 0,3 được xem là đạt mức tối thiểu, lớn hơn 0,4 được xem là quan trọng, lớn hơn 0,5 được xem là có ý nghĩa thực tiễn. Hệ số tải nhân tố lớn hơn 0,3 nếu cỡ mẫu ít nhất phải là 350, nếu cỡ mẫu khoảng 100 thì chọn tiêu chuẩn Factor loading lớn hơn 0,5 và nếu cỡ mẫu khoảng 50 thì chọn tiêu chuẩn Factor loading lớn hơn 0,75. Trong phạm vi nghiên cứu này, cỡ mẫu là 125 nên hệ số tải nhân tố trong bảng Rotated Component Matrix được chấp nhận ở mức 0,5 đối với các biến.

*Phân tích nhân tố khám phá EFA với 5 thành phần chất lượng*

Khi thiết kế thang đo về Sự hài lòng của nông dân đối với lớp tập huấn (FFS) chọn giống và sản xuất lúa giống cộng đồng, giả thuyết  $H_0$  được đặt ra trong phân tích này là giữa 22 biến quan sát không có sự tương quan với nhau. Kiểm định KMO và Bartlett's trong phân tích nhân tố EFA cho thấy, giả thuyết  $H_0$  bị bác bỏ do có hệ số  $\text{sig.}=0,000$ , hệ số KMO báo cáo có giá trị là 0,625 ( $>0,5$ ), kết quả EFA thu được 5 thành phần tại Eigenvalues = 1,107. Từ kết quả phân tích nhân tố khám phá EFA, nghiên cứu đi đến kết luận rằng thang đo được chấp nhận. Tuy nhiên trong 25 biến quan sát có 5 biến (Q6, Q9, Q17, Q20, Q22) có giá trị không đạt yêu cầu ( $<0,4$ ). Mặc dù, 5 biến này trong phân tích Cronbach Alpha đạt yêu cầu nhưng trong phân tích EFA lại không đạt yêu cầu, do đó 5 biến này sẽ bị loại ra khỏi thang đo nghiên cứu trong phạm vi của nghiên cứu.

Tiến hành loại bỏ 5 biến được nêu trên, tác giả tiếp tục phân tích nhân tố khám phá EFA với 17 biến quan sát. Kiểm định KMO và Bartlett's báo cáo giá trị bằng 0,638 và mức ý nghĩa  $\text{Sig.}=0,000$  ( $<0,05$ ). Kết quả EFA thu được 5 thành phần tại Eigenvalues = 1,791. Phương sai trích có giá trị là 68,44%, giá trị phương sai trích cho ta biết 5 thành phần được xác định giải thích bởi 68,44% biến

thiên của dữ liệu. Từ kết quả kiểm định trên, nghiên cứu rút ra kết luận rằng thang đo được chấp nhận và các biến quan sát trong 5 thành phần có tương quan với nhau trong tổng thể mẫu điều tra.

**Bảng 7: Kết quả phân tích nhân tố khám phá với 5 thành phần chất lượng**

Nhân tố	Ma trận xoay nhân tố				
	1	2	3	4	5
Q1	.828				
Q2	.771				
Q3	.556				
Q4	.714				
Q5		.817			
Q7		.585			
Q8		.732			
Q10			.723		
Q11			.761		
Q12			.665		
Q13				.566	
Q14				.530	
Q15				.570	
Q16				.732	
Q18				.692	
Q19					.527
Q21					.452

*Nguồn: Kết quả điều tra thực tế 125 nông dân tham gia khóa học FFS tại tỉnh Hậu Giang, 2012*

*Phân tích nhân tố khám phá với thành phần Sự hài lòng*

Đối với thang đo về sự hài lòng chất lượng tập huấn, sau khi phân tích EFA trích được một nhân tố tại Eigenvalues là 1,130. Kết quả kiểm định KMO và Bartlett's báo cáo có giá trị bằng 0,523 và mức ý nghĩa có giá trị  $\text{Sig.} = 0,000$  (nhỏ hơn 0,05). Các biến có giá trị báo cáo lớn hơn 0,4 nên các biến quan sát đều quan trọng trong thành phần sự hài lòng của nông dân tham gia khóa tập huấn. Phương sai trích có giá trị bằng 37,664% (Bảng 8).

Như vậy, mô hình nghiên cứu ban đầu kết quả phân tích hệ số Cronbach Alpha và phân tích nhân tố khám phá EFA, năm thành phần đề xuất trong mô hình nghiên cứu đều đạt yêu cầu và có ý nghĩa thống kê.



**Bảng 8: Kết quả phân tích hệ số KMO với thành phần Sự hài lòng**

	Giá trị phương sai của mỗi nhân tố			Hệ số tải nhân tố		
	Tổng	Phần trăm phương sai	Phần trăm tích lũy	Tổng	Phần trăm phương sai	Phần trăm tích lũy
1	1,130	37,664	37,664	1,130	37,664	37,664
2	0,964	32,142	69,806			
3	0,906	30,194	100,000			

Chỉ số KMO = 0,523

Nguồn: Kết quả điều tra thực tế 125 nông dân tham gia khóa học FFS tại tỉnh Hậu Giang, 2012

**4.3 Phân tích hồi qui**

**4.3.1 Giải thích các biến trong mô hình nghiên cứu**

Mô hình lý thuyết đề xuất gồm có 5 thành phần: (i) Thành phần Cơ sở vật chất và điều kiện học tập đạt hệ số Cronbach Alpha với giá trị 0,666; (ii) Thành phần Độ tin cậy của lớp tập huấn có hệ số Cronbach Alpha đạt giá trị 0,630; (iii) Thành phần Khả năng đáp ứng yêu cầu của lớp học có hệ số Cronbach Alpha đạt giá trị 0,662; (iv) Thành phần Sự đảm bảo của lớp tập huấn có hệ số Cronbach Alpha đạt giá trị 0,716; (v) Thành phần Sự cảm thông của giảng viên có hệ số Cronbach Alpha đạt giá trị 0,603. Trong đó Sự hài lòng của học viên là thành phần phụ thuộc, 5 thành phần còn lại là những thành phần độc lập và được giả định là các yếu tố có tác động đến sự hài lòng của học viên trong quá trình tham gia lớp tập huấn với mô hình lý thuyết như sau:  $Y = a + a_1X_1 + a_2X_2 + a_3X_3 + a_4X_4 + a_5X_5$

Trong đó, biến Y: Sự hài lòng, X<sub>1</sub>: Cơ sở vật chất và điều kiện học tập, X<sub>2</sub>: Độ tin cậy của lớp tập huấn, X<sub>3</sub>: Khả năng đáp ứng yêu cầu của lớp học, X<sub>4</sub>: Sự đảm bảo của lớp tập huấn, X<sub>5</sub>: Sự cảm thông của giảng viên.

Biến phụ thuộc Sự hài lòng hình thành từ 3 biến Q23, Q24, Q25 của thang đo Sự hài lòng của nông dân tham gia lớp tập huấn. Giá trị của biến phụ thuộc hài lòng là fater score được phần mềm SPSS tính toán qua quá trình phân tích nhân tố, là kết hợp tuyến tính của các biến Q23, Q24, Q25 và đã được chuẩn hóa.

Tương tự như vậy, giá trị của các biến độc lập là Factor score cũng được tính toán bởi phần mềm SPSS thông qua phân tích nhân tố, bao gồm: (i) Biến độc lập Cơ sở vật chất và điều kiện học tập được hình thành từ 4 biến Q1, Q2, Q3 và Q4; (ii) Biến độc lập Độ tin cậy của lớp tập huấn được hình thành từ 3 biến Q5, Q7 và Q8; (iii) Biến độc lập Khả năng đáp ứng yêu cầu của lớp học được hình

thành từ 3 biến Q10, Q11 và Q12; (iv) Biến độc lập Sự đảm bảo của lớp học được hình thành từ 5 biến Q13, Q14, Q15, Q16 và Q18; (v) Biến độc lập Sự cảm thông của giảng viên được hình thành từ 2 biến Q19 và Q21.

Các giá trị của biến độc lập và biến phụ thuộc đều được chuẩn hóa, dấu kỳ vọng trong quan hệ giữa biến độc lập và biến phụ thuộc là dấu dương, nghĩa là khi giá trị biến độc lập tăng, giá trị biến phụ thuộc sẽ tăng trong mô hình nghiên cứu này.

Đề tài tiếp tục phân tích hồi qui để xác định cụ thể trọng số của từng thành phần tác động đến sự hài lòng của nông dân tham gia lớp tập huấn.

*Tương quan giữa các biến trong mô hình*

Kết quả phân tích hồi qui trên Bảng 10 cho thấy, trị số R có giá trị 0,925 cho thấy mỗi quan hệ giữa các biến trong mô hình có mối tương quan rất chặt chẽ. Báo cáo kết quả hồi qui của mô hình cho thấy giá trị R<sup>2</sup> (R Square) bằng 0,856, điều này nói lên độ thích hợp của mô hình là 85,6% hay nói cách khác là 85,6% sự biến thiên của sự hài lòng được giải thích bởi 5 thành phần trong chất lượng của lớp tập huấn. Giá trị R điều chỉnh (Adjusted R Square) phản ánh chính xác hơn sự phù hợp của mô hình đối với tổng thể, ta có giá trị R điều chỉnh bằng 0,850 (hay 85,0%) có nghĩa là tồn tại mô hình hồi qui tuyến tính giữa Sự hài lòng và năm thành phần chất lượng của lớp tập huấn.

Kết quả phân tích phương sai ANOVA cho thấy, trị số F có mức ý nghĩa Sig. = 0,000 (<0,05), có nghĩa là mô hình hồi qui phù hợp với dữ liệu thu thập được và các biến đưa vào đều có ý nghĩa thống kê với mức ý nghĩa 5%. Thống kê giá trị F = 139,087 được dùng để kiểm định giả thuyết H<sub>0</sub>, kết quả phân tích cho thấy mỗi quan hệ tuyến tính là rất có ý nghĩa với p-Values <0,05. Từ kết quả trên, nghiên cứu có thể bác bỏ giả thuyết H<sub>0</sub> cho rằng hệ số góc của 5 thành phần trong chất lượng tập huấn bằng 0. Như vậy, các biến độc lập trong mô hình có quan hệ đối với biến phụ thuộc Sự hài lòng.

**Bảng 9: Kết quả phân tích hồi qui của mô hình**

	<b>R</b>	<b>R Bình phương</b>	<b>R Bình phương điều chỉnh</b>	<b>Sai số chuẩn</b>		
1	<b>0,925<sup>a</sup></b>	<b>0,856</b>	<b>0,850</b>	<b>0,38969442</b>		
<b>ANOVA</b>						
		<b>Tổng bình phương</b>	<b>Df</b>	<b>Mean Square</b>	<b>F</b>	<b>Sig.</b>
1	Số dư	105.610	5	21.122	139.087	.000 <sup>a</sup>
	Hồi qui	17.768	117	.152		
	Tổng	123.377	122			

a. Predictors: (Constant), Su cam thong, Co so vat chat, Do tin cay, Kha nang dap ung, Su dam bao

b. Dependent Variable: Suhailong

Nguồn: Kết quả điều tra thực tế 125 nông dân tham gia khóa học FFS tại tỉnh Hậu Giang, 2012

*Kiểm định mô hình hồi qui*

Kết quả phân tích các hệ số hồi qui trong mô hình cho thấy, mức ý nghĩa của các thành phần đều có giá trị nhỏ hơn 0,05. Do đó, nghiên cứu có thể kết luận các biến độc lập đều có tác động đến sự hài lòng của nông dân tham gia lớp tập huấn. Tất cả các thành phần trong chất lượng lớp tập huấn đều có ý nghĩa trong mô hình và có tác động cùng chiều đến sự hài lòng của nông dân được giải thích do dấu của các hệ số hồi qui đều dương. Giá trị hồi qui chuẩn của các biến độc lập trong mô hình có giá trị lần lượt là: Cơ sở vật chất và điều kiện học tập: 0,190; Độ tin cậy của lớp tập huấn: 0,846; Khả năng đáp ứng yêu cầu của lớp học: 0,090; Sự đảm bảo của lớp học: 0,062 và Sự cảm thông của giảng viên: 0,029.

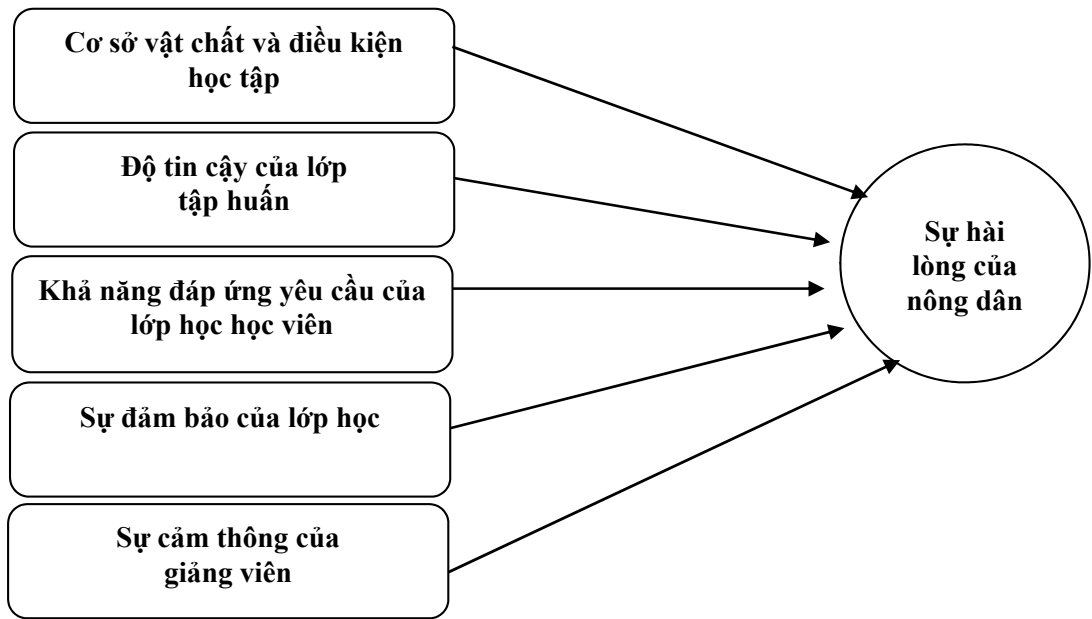
Từ kết quả phân tích hồi qui, đề tài xây dựng mô hình như sau:

$$Y = 0,008 + 0,190 X_1 + 0,846X_2 + 0,090X_3 + 0,062X_4 + 0,029X_5$$

Mô hình trên giải thích được 85.6% sự thay đổi của biến Y là do các biến độc lập trong mô hình tạo ra, còn lại 14.4% biến thiên được giải thích bởi các biến khác nằm ngoài mô hình mà trong phạm vi đề tài chưa thể nghiên cứu được.

Mô hình cho thấy các biến độc lập đều ảnh hưởng thuận chiều đến mức độ thỏa mãn của học viên tham gia khóa học tập huấn ở độ tin cậy là 95%. Phương trình hồi qui được giải thích rằng, nếu giữ nguyên các biến độc lập còn lại không đổi thì khi Cơ sở vật chất tăng lên 1 điểm thì sự hài lòng của học viên tăng trung bình lên 0,190 điểm,

khi điểm đánh giá về Độ tin cậy của lớp tập huấn tăng lên 1 điểm thì Sự hài lòng của học viên về chất lượng tập huấn tăng lên 0,846 điểm, khi điểm đánh giá về Khả năng đáp ứng yêu cầu của lớp học tăng lên 1 điểm thì Sự hài lòng của học viên tăng lên 0,090 điểm, khi Sự đảm bảo của lớp tập huấn tăng lên 1 điểm thì Sự hài lòng của học viên về chất lượng đào tạo tăng lên 0,062 điểm, khi Sự cảm thông của lớp tập huấn tăng lên một điểm thì sự hài lòng về chất lượng tập huấn tăng lên 0,029 điểm. Qua kết quả phân tích hồi qui đã cho thấy được tầm quan trọng của từng biến độc lập đối với biến phụ thuộc. Giá trị Beta tại Bảng 11 cho thấy giá trị hồi qui chuẩn của Cơ sở vật chất và điều kiện học tập ảnh hưởng đến 19,0% Sự hài lòng, giá trị hồi qui chuẩn của Độ tin cậy ảnh hưởng đến 84,6% Sự hài lòng, giá trị hồi qui chuẩn của Khả năng đáp ứng yêu cầu của lớp học ảnh hưởng đến 9,0% sự hài lòng, giá trị hồi qui chuẩn của Sự đảm bảo ảnh hưởng đến 6,2% sự hài lòng và giá trị hồi qui chuẩn của Sự cảm thông ảnh hưởng đến 2,9% Sự hài lòng của học viên tham gia khóa tập huấn chọn giống và sản xuất lúa giống cộng đồng tỉnh Hậu Giang năm 2012. Kết quả cũng cho thấy thành phần nào có giá trị tuyệt đối càng lớn thì ảnh hưởng đến mức độ hài lòng càng nhiều, cụ thể: Sự hài lòng chịu ảnh hưởng nhiều nhất bởi thành phần Độ tin cậy của lớp tập huấn (Beta = 0,848), quan trọng thứ hai là thành phần Cơ sở vật chất và điều kiện học tập (Beta = 0,190), quan trọng kế tiếp là thành phần Khả năng đáp ứng yêu cầu của lớp học (Beta = 0,90), tiếp theo là thành phần Sự đảm bảo của lớp học (Beta = 0,062) và cuối cùng là Sự cảm thông của giảng viên (Beta = 0,029).



**Hình 5: Sơ đồ các yếu tố ảnh hưởng đến Sự hài lòng của nông dân**

**5 KẾT LUẬN**

Kết quả kiểm định thang đo với hệ số tin cậy Cronbach Alpha và phân tích nhân tố EFA với 5 thành phần và thang đo Sự hài lòng đều có độ tin cậy lớn hơn 0,6. Như vậy, thang đo được thiết kế trong luận văn là có ý nghĩa trong thống kê và đạt hệ số tin cậy cần thiết, trong đó thành phần Sự đảm bảo của lớp học có hệ số Cronbach Alpha đạt giá trị 0.716 và đây là thành phần có hệ số tin cậy cao nhất trong 5 thành phần nghiên cứu. Thang đo sự hài lòng có hệ số Cronbach Alpha là đạt giá trị 0.657.

Kết quả phân tích mô hình cho thấy sự phù hợp của mô hình lý thuyết với chất lượng tập huấn cũng như việc chấp nhận các lý thuyết đã được đề ra trong mô hình nghiên cứu có ý nghĩa thiết thực cho nhà quản lý, nhà nghiên cứu. Đây chính là những căn cứ để xây dựng một giải pháp hiệu quả trong công tác tập huấn nông dân hay nói khác hơn là trong lĩnh vực khuyến nông nhằm đạt được yêu cầu chuyên giao tiến bộ khoa học kỹ thuật cũng như thỏa mãn nhu cầu của nông dân tham gia khóa tập huấn.

Để nâng cao sự hài lòng của nông dân về chất lượng của lớp tập huấn trong thời gian tới cần tiếp tục cải thiện các thành phần có tác động đến sự hài lòng của nông dân, cụ thể: Rộng trình diễn, các tài liệu học tập, dụng cụ thí nghiệm cần được chuẩn bị chu đáo trước khi vào tiết học. Thời gian khóa học

phần phân bố sao cho phù hợp với điều kiện thực tế tại địa bàn mở lớp để nông có điều kiện tham gia lớp học xuyên suốt khóa học, các đơn vị quản lý giảng viên, dự án FARES cần có biện pháp cụ thể nhằm bồi dưỡng, nâng cao trình độ thường xuyên cho đội ngũ giảng dạy các lớp tập huấn. Định kỳ hàng năm mở các lớp tập huấn ngắn hạn về nghiệp vụ sư phạm, cập nhật những thay đổi của tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp cho đội ngũ giảng viên, khung chương trình tập huấn cần thiết kế giảm tỷ lệ giờ học trên lớp, tăng thời gian thực hành cho nông dân.

**LỜI CẢM TẠ**

Tác giả chân thành gửi lời cảm ơn đến Sở Khoa học Công nghệ tỉnh Hậu Giang, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Hậu Giang cùng các cán bộ khuyến nông tỉnh, huyện trên địa bàn nghiên cứu đã tạo điều kiện, hỗ trợ kinh phí cho nghiên cứu này được thực hiện, trong khuôn khổ đề tài cao học của học viên.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Cronin, J. Joseph, Jr. & Steven A. Taylor, 1994. SERVPERF versus SERVQUAL: Reconciling Performance - Based and Perception - Minus - Expectations Measurement of Service Quality. Journal of Marketing, 58:1, ABI/INFORM Global.
2. Hair Jr, J. F., Anderson, R. E, Tatham, R. L, Black, W. C., 1998. Multivariate Data

- Analysis with Readings. Macmillan Publishing Company.
3. Hoàng Trọng và Chu Nguyễn Mộng Ngọc, 2005. Phân tích dữ liệu với SPSS. Nhà xuất bản Hồng Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, 179 trang.
  4. Huỳnh Quang Tín, 2009. Impacts of farmer - Based training in seed production in Vietnam. PhD Thesis. The University of Wageningen, Wageningen, the Netherlands.
  5. Nunnally, J. and Brunstein, 1994. Psychometric Theory (3<sup>rd</sup> ed.). New York, McGraw Hill.
  6. Parasuraman, Valarie A. Zeithaml, & Leonard L. Berry, 1988. A Conceptual Model of Service Quality and Its Implications for Future Resaerch. Journal of Marketing, vol.49 (Fall 1988): 41-50.
  7. UBND Tỉnh Hậu Giang, 2011. Tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2011, phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2012. UBND tỉnh Hậu Giang, Hậu Giang, 31 trang.